



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**  
 Bắt đầu từ 8h30 phút, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thời gian	Nội dung	Điều hành
1	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự - Phát tài liệu và Thẻ Biểu Quyết, Phiếu lấy ý kiến biểu quyết	-Ban Tổ chức. -Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban Tổ chức
3	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại Hội	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
4	Giới thiệu Đoàn chủ tịch đại hội, Chủ tịch đoàn	Ban Tổ chức
5	Giới thiệu, thông qua danh sách Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu tại Đại hội. Giới thiệu, thông qua chương trình và các Quy chế, thể lệ tại Đại hội	Đoàn chủ tịch
6	- Báo cáo tình hình hình thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2019; Chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đầu tư 2020.	Ban TGD
	- Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020	HĐQT
	- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán.	Kế toán trưởng
	- Báo cáo hoạt động của BKS và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020	Trưởng BKS
	- Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019	Đoàn chủ tịch
	- Tiền lương/Thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch Tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2020	Đoàn Chủ tịch
	- Công tác nhân sự HĐQT, BKS	Đoàn Chủ tịch
	- Ủy quyền HĐQT quyết định các vấn đề liên quan SXKD năm 2020, 2021	Đoàn Chủ tịch
	<b>Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trên (Bỏ phiếu lấy ý kiến biểu quyết).</b>	<b>Cổ đông</b>
7	Hội nghị giải lao 10 phút (Ban kiểm phiếu thực hiện công việc)	Ban kiểm phiếu
	Công bố kết quả kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu
8	Giới thiệu nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2023	Đoàn Chủ tịch
	Bầu thành viên HĐQT, BKS	Cổ đông
	HĐQT họp bầu Chủ tịch HĐQT (nếu có)	HĐQT
9	Các phát biểu của Đại biểu, Khách mời (nếu có)	Đại biểu
10	Công bố kết quả bầu cử	Ban kiểm phiếu
11	Thông qua biên bản, nghị quyết đại hội	Đoàn chủ tịch Ban Thư ký
12	Tuyên bố bế mạc.	Ban tổ chức



Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2020



## QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

### **Điều 1. Quy định chung**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện ủy quyền tham gia Đại hội; điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông/đại diện ủy quyền tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

### **Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông khi tham dự Đại hội:**

1. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ năm 2020; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
  - Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền dự họp bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.
  - Người trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ gửi Phiếu đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (trường hợp người dự họp là người được ủy quyền phải kèm theo Giấy ủy quyền) gửi về Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp; nếu gửi bằng fax phải xuất trình bản chính khi đến dự họp.
2. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp khi tới tham gia ĐHĐCĐ phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy CMND hoặc hộ chiếu trình Ban tổ chức Đại hội và được nhận thẻ biểu quyết có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết và phiếu biểu quyết ghi tất cả các nội dung sẽ biểu quyết tại Đại hội.
3. Ban Tổ chức sẽ thông báo công khai chương trình và các báo cáo trình Đại hội. Những ý kiến của cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp sẽ được thảo luận công khai.
4. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông/đại diện ủy quyền sẽ nghe các báo cáo được nêu trong chương trình Đại hội, thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết và ghi vào Phiếu biểu quyết.
5. Cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa.
6. Trường hợp cổ đông/đại diện ủy quyền dự họp sau khi cuộc họp đã khai mạc, phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức; có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng



Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội và Ban kiểm phiếu.**

1. Đại hội Đồng cổ đông do HĐQT Công ty quyết định triệu tập. Để triển khai công việc, HĐQT thành lập Ban tổ chức để thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ do những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách của đại biểu tham dự Đại hội.

Trường hợp người đến tham dự cuộc họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu gồm những Đại biểu chính thức tham dự Đại hội do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu không quá 3 người.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu Thẻ biểu quyết sau khi đã biểu quyết xong các nội dung; kiểm phiếu biểu quyết và lập biên bản kiểm phiếu.

4. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phát phiếu bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu bầu của các cổ đông/đại diện ủy quyền, kiểm phiếu (theo Quy chế bầu cử); lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.

**Điều 4. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:

Cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thì giờ tay đề nghị được phát biểu, cổ đông/đại diện ủy quyền sẽ phát biểu ý kiến theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông/đại diện ủy quyền cần phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung Chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua. Cổ đông/đại diện ủy quyền có thể gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội để tổng hợp báo cáo Chủ tọa xem xét.

Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông/đại diện ủy quyền phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông/đại diện ủy quyền tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau. Cổ đông/đại diện ủy quyền không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần phát biểu ý kiến.

**Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Chủ tọa cử Ban thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.



3. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào, Chủ tọa Đại hội có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

**Điều 6.** Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 7.** Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt được nghe các báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo trên. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo thể lệ biểu quyết.

2. Bầu bổ sung thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS được thực hiện theo Quy chế bầu cử.

**Điều 8.** Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

**Điều 9.** Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

**Điều 10.** Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông/đại diện ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thủy điện A Vương do các cổ đông/đại diện ủy quyền tự túc.

**Điều 11.** Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 11 Điều và có hiệu lực để thực hiện công tác chuẩn bị, tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương năm 2020.

Trong trường hợp quy định của Quy chế này trái với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty hoặc Luật doanh nghiệp thì thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty./.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



*Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2020*



**QUY CHẾ BẦU CỬ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

Đại hội đồng cổ đông năm 2020 Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tiến hành bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) theo các quy định sau đây:

1. Việc bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương phải được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.
2. Mỗi cổ đông/đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu cử, trên phiếu ghi rõ họ tên cổ đông, số cổ phần mà cổ đông/đại diện ủy quyền đó đại diện tương ứng với tổng số phiếu biểu quyết (có đóng dấu của Công ty) do Ban kiểm phiếu phát.
3. Việc bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cổ đông/đại diện ủy quyền có quyền bầu dồn hết tổng số cổ phần hoặc một phần số cổ phần cho một hoặc một số ứng cử viên trong phạm vi tổng số phiếu biểu quyết của mình.
4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:
  - Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát ra;
  - Phiếu có tên người ngoài danh sách ứng cử đã được Đại hội thông qua;
  - Phiếu bầu cử có tổng cộng phiếu bầu lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu ghi trên phiếu.
5. Ứng viên chỉ trúng cử khi được số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu từ 51% trở lên so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả số cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự Đại hội tín nhiệm bầu.
6. Đại hội bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc bầu cử theo quy định của Quy chế này. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật, nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu, công bố trước Đại hội, niêm phong các phiếu bầu cử, giao lại cho Ban tổ chức Đại hội.
7. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



Đà Nẵng, ngày tháng 06 năm 2020



**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương.*

Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung theo các quy định sau:

**Điều 1. Đối tượng thực hiện biểu quyết**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên chốt ngày 09/4/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) dưới đây gọi là “Đại biểu”.

**Điều 2. Nguyên tắc**

Các vấn đề cần xin ý kiến thông qua như chương trình họp, trình tự thủ tục đại hội, Ban kiểm phiếu, quy chế bầu cử, thông qua biên bản, nghị quyết đều được thông qua bằng việc giơ Thẻ biểu quyết.

Các nội dung họp, báo cáo tờ trình của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín bằng Phiếu biểu quyết.

Việc bầu Ban kiểm phiếu được thông qua khi được đa số (trên 50%) cổ đông/đại diện ủy quyền có mặt dự Đại hội chấp thuận.

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Thông qua báo cáo tài chính năm; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

Các quyết định của Hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 3. Phiếu biểu quyết - Thẻ biểu quyết**

Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết được Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương in và gửi trực tiếp cho Đại biểu và/hoặc người đại diện theo ủy quyền tại



Đại hội (kèm theo bộ tài liệu Đại hội). Mỗi Đại biểu và/hoặc người đại diện theo ủy quyền được cấp 01 Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ Mã Đại biểu, họ tên, số phiếu biểu quyết của Đại biểu, các nội dung biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ Mã đại biểu, họ tên, số phiếu biểu quyết của Đại biểu.

#### **Điều 4. Cách thức biểu quyết**

Đại biểu giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để thông qua các vấn đề bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết; sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết;

Đại biểu tự bỏ Phiếu biểu quyết vào Hòm phiếu được đặt tại Đại hội (hoặc thông qua người của Ban tổ chức tại Đại hội).

#### **Điều 5. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - Xác định kết quả kiểm phiếu.
  - Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
3. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
  - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
  - Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Số và tỉ lệ biểu quyết đối với từng Nội dung.

#### **Điều 6. Khiếu nại**

Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



## **BÁO CÁO**

### **Về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019; Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương;

Căn cứ Nghị quyết số 619/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019 về Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 cụ thể như sau:

#### **1- Tình hình cổ đông của Công ty**

Số cổ đông của Công ty đến ngày 31/12/2019 là 157 cổ đông, trong đó cổ đông pháp nhân là 04 cổ đông, cổ đông thể nhân là 153 cổ đông. Số cổ phần các cổ đông đang nắm giữ là 75.052.052 cổ phần/vốn điều lệ của Công ty là 750.520.520.000 đồng.

#### **2- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2019**

##### **2.1- Tình hình ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019**

Trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

##### **a- Thuận lợi**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các bên hữu quan có liên quan, đặc biệt là sự giúp đỡ hữu hiệu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Phát điện 2, chính quyền địa phương tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

##### **b- Khó khăn**

- Mức nước hồ đầu năm 2019 chỉ đạt 349,5m, thiếu hụt 30,5 m so với mức nước dâng bình thường (tương đương thiếu hụt 220 triệu m<sup>3</sup> nước), hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra ở lưu vực hồ thủy điện A Vương vào các tháng mùa mưa năm 2018 còn tiếp tục kéo dài sang năm 2019, lưu lượng bình quân nước về hồ năm 2019 rất kém (14,9 m<sup>3</sup>/s tương đương TS 93%), tổng thể tích nước về là 462,7 triệu m<sup>3</sup>, bằng 42% tổng thể tích nước về trung bình nhiều năm.

- Nhà máy Thủy điện A Vương đã đi vào vận hành 10 năm, các thiết bị và hệ thống công nghệ đã qua thời kỳ hoạt động ổn định và đã bắt đầu có dấu hiệu xuất hiện các khiếm khuyết ngày càng nhiều trong khi các phép thí nghiệm, quy trình bảo trì, kiểm tra hiện nay không phải lúc nào cũng phát hiện sớm được các khiếm khuyết này do thiếu thiết bị chẩn đoán.

*Với những thuận lợi và khó khăn thách thức nêu trên, nhưng ngay từ đầu năm 2019 Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã đề ra góp phần quyết định hoàn thành tốt các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2019, cụ thể:*



## 2.2- Về kết quả sản xuất kinh doanh

### 2.2.1- Kết quả sản xuất kinh doanh 2019

Công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện A Vương trong năm 2019 được thực hiện an toàn, hiệu quả, các tổ máy luôn đáp ứng đúng huy động của A0 và xả nước phục vụ hạ du khi có yêu cầu của địa phương. Đặc biệt, trong tháng 8/2019 khi nguồn nước sinh hoạt tại TP Đà Nẵng bị nhiễm mặn, hồ thủy điện A Vương đã tăng cường xả nước về hạ du sông Vu Gia để góp phần giảm mặn cho Sông Cầu Đỏ, TP Đà Nẵng đã đánh giá cao sự hợp tác của Nhà máy trong việc giải quyết khó khăn cấp nước vùng hạ du, góp phần cải thiện nguồn nước sinh hoạt cho người dân thành phố.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt và vượt kế hoạch giao năm 2019, các hiện tượng bất thường của thiết bị luôn được phát hiện và xử lý kịp thời nên trong năm 2019 không xuất hiện sự cố (suất sự cố năm 2019 là 0%).

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trong năm 2019 cụ thể như sau:

- Sản lượng điện sản xuất : 315,03 triệu kWh, đạt 62,5% KH giao
- Sản lượng điện thương phẩm : 313,03 triệu kWh, đạt 62,6% KH giao
- Tổng doanh thu : 312,63 tỷ đồng, đạt 79,3% KH giao
- Tổng chi phí : 280,46 tỷ đồng, đạt 91,0% KH giao
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 32,17 tỷ đồng, đạt 37,4% KH giao
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 29,92 tỷ đồng, đạt 37,4% KH giao

*(Chi tiết như Phụ lục 1: Kết quả sản xuất kinh doanh 2019 kèm theo)*

### 2.2.2- Các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao

- **Sản lượng điện:** Sản lượng điện sản xuất năm 2019 chỉ đạt 315 triệu kWh, bằng 62,5% so với kế hoạch giao năm 2019 là do tình hình thủy văn bất thường, lưu lượng nước về hồ rất kém so với dự báo kế hoạch (14,9 m<sup>3</sup>/s/ 29,1m<sup>3</sup>/s; tương đương TS trung bình nước về hồ 93%).

- **Doanh thu:** Tổng doanh thu năm 2019 là 312,6 tỷ đồng (đạt 79,3% kế hoạch năm) trong đó, doanh thu sản xuất điện là 270,2 tỷ đồng (đạt 73,2% so với kế hoạch năm). Mặc dù sản lượng điện sản xuất chỉ đạt 62,5% kế hoạch giao nhưng tổng doanh thu đạt 79,3% kế hoạch giao nhờ doanh thu tăng thêm từ thị trường điện (24,7 tỷ đồng) và Công ty đã hoàn thành thủ tục thu hồi bù chênh lệch tỷ giá từ giá bán điện năm 2016-2017 (50,1 tỷ đồng).

- **Chi phí:** Công ty đã triệt để tiết kiệm chi phí trong mọi hoạt động thông qua việc giao định mức và kiểm soát thực hiện, tiết kiệm hơn 10% các chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền và chi phí sửa chữa lớn; ngoài ra Công ty cũng đã xem xét chuyển một số hạng mục SCL chưa cấp thiết sang năm 2020 (với giá trị 3,3 tỷ đồng) đồng thời rà soát, cắt giảm các công việc chưa cần thiết trong quá trình Đại tu H1 nên chi phí thực hiện Đại tu H1 thấp hơn so với kế hoạch 5,5 tỷ đồng; thuế phí giảm 19,6 tỷ đồng (do sản lượng giảm so với KH). Do vậy chi phí sản xuất điện thực hiện năm 2019 chỉ đạt 81,7% so với kế hoạch.



- **Lợi nhuận:** Công ty đã thực hiện kiểm soát kế hoạch chi phí chặt chẽ, đánh giá lại hiệu quả thực hiện các hạng mục đã có kế hoạch chi phí để phân kỳ kế hoạch chi phí hợp lý nên mặc dù trong điều kiện thủy văn rất bất lợi nhưng Công ty vẫn cố gắng có lợi nhuận.

### **2.3- Về công tác tài chính của Công ty**

Trong năm 2019, Công ty không đầu tư tài chính hoặc góp vốn vào các Công ty khác. Tình hình tài chính Công ty ổn định và duy trì ở mức an toàn, công tác thanh toán, giải ngân được đảm bảo theo đúng quy định. Công ty đã làm việc với Tổng công ty để tái cấu trúc lại các khoản vay, thu xếp các nguồn vốn đảm bảo tối ưu hóa các dòng tiền của Công ty. Các chỉ số tài chính Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty đảm bảo nhỏ hơn 3 lần, vốn nhà nước được bảo toàn tại Công ty với hệ số bảo toàn vốn là 1,6 lần. Giá giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán của Công ty luôn ổn định, dao động từ 27.000-30.000 đồng/cổ phiếu.

## **3- Về Kế hoạch năm 2020**

### **3.1- Những khó khăn và thách thức**

- Mức nước hồ ngày 01/01/2020 là 354,04 m, thiếu hụt 25,96 m nước so với mức nước dâng bình thường (tương đương thiếu hụt 194,3 triệu m<sup>3</sup> nước). Việc vận hành NMTĐ A Vương vừa đảm bảo mục tiêu tăng doanh thu, vừa đảm bảo mục tiêu xả nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của đồng bào hạ du theo yêu cầu của địa phương và quy trình vận hành liên hồ mới (ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/12/2019) là một thách thức rất lớn trong công tác sản xuất kinh doanh của NMTĐ A Vương.

- Theo dự báo của các cơ quan dự báo khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan đã và đang xảy ra năm 2019 còn tiếp tục kéo dài sang năm 2020. Và trên thực tế lưu lượng nước về hồ các tháng đầu năm 2020 có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm rất nhiều (lưu lượng nước trung bình 5 tháng đầu năm 10,4 m<sup>3</sup>/s, tương đương tần suất 92%), theo đó sẽ ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất kinh doanh điện của NMTĐ A Vương cũng như cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của đồng bào vùng hạ du nhà máy trong năm 2020.

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, các chuyên gia nước ngoài tham gia công tác Đại tu tổ máy H2 năm 2020 không thể sang Việt Nam do điều kiện bất khả kháng. Đồng thời để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19, không tập trung đông người tại Nhà máy, nên Công ty đã tạm dừng Đại tu tổ máy H2 và các thiết bị liên quan (dự kiến bắt đầu ngày 30/3-13/5/2020) và chuyển sang thực hiện vào năm 2021.

- Việc tái cơ cấu, sắp xếp tổ chức, áp dụng định biên lao động mới thấp hơn rất nhiều với số lao động hiện có là một thách thức không nhỏ cho Công ty.

### **3.2- Kế hoạch SXKD năm 2020**

#### **3.2.1- Các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2020**

Với các thách thức nêu trên và căn cứ dự báo tình hình thủy văn nước về hồ Thủy điện A Vương trong năm 2020; căn cứ Kế hoạch vận hành thị trường phát điện cạnh tranh năm 2020 do Cục Điều tiết Điện lực ban hành; căn cứ công văn số 714/EVNGENCO 2-KH ngày 05/3/2020 về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Công ty



đã xây dựng Kế hoạch sản sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

- + Sản lượng điện sản xuất: 470 triệu kWh
- + Sản lượng điện thương phẩm: 465 triệu kWh
- + Tổng doanh thu: 325,57 tỷ đồng.
- + Tổng chi phí: 265,51 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: 60,06 tỷ đồng.
- + Cổ tức dự kiến : 10% vốn điều lệ.

(Chi tiết như Phụ lục 2: Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020)

### **3.2.2- Nhận xét về Kế hoạch SXKD năm 2020**

#### **a- Về doanh thu**

Kế hoạch doanh thu năm 2020 là 325,57 tỷ đồng, tăng 4,1% so với doanh thu thực hiện năm 2019, nguyên nhân do: (1) Kế hoạch sản lượng điện sản xuất năm 2020 là 470 triệu kWh, tăng 155 triệu kWh (49%) so với thực hiện năm 2019; (2) giá bán điện kế hoạch năm 2020 dự kiến giảm 10% so với thực hiện năm 2019 (do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên phụ tải giảm thấp; do tỷ lệ thanh toán theo giá thị trường giảm 10% so với năm 2019 ( $\alpha=90\%$ )); theo quy định tại Quy trình vận hành liên hồ sơ ban hành theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/12/2019 có hiệu lực từ ngày 1/1/2020 thì quy định phải xả nước về hạ du từ 9h00 đến 21h00 nên rơi vào thời gian giá thị trường điện thường thấp hơn so với các giờ khác trong ngày (tác động của điện mặt trời)) (ngoài ra doanh thu năm 2019 có bao gồm thu hồi bù chênh lệch tỷ giá 50,1 tỷ đồng).

#### **b- Về chi phí**

Tổng chi phí kế hoạch SXKD năm 2020 giảm 14,9 tỷ đồng (giảm 5,3%) so với thực hiện 2019, trong đó kế hoạch chi phí sản xuất điện năm 2020 tăng 11 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019 chủ yếu do thuế phí năm 2020 tăng 19,7 tỷ đồng, nhưng tổng chi phí O&M năm 2020 dự kiến chỉ tăng 1 tỷ đồng so với thực hiện năm 2019.

### **3.2- Kế hoạch trang bị tài sản cố định**

Trong năm 2020 Công ty dự kiến trang bị bổ sung thêm một số thiết bị cần thiết trong công tác thí nghiệm, bảo trì, sửa chữa NMTĐ A Vương nhằm tăng cường khả năng chẩn đoán, phát hiện kịp thời các khiếm khuyết xuất hiện ngày càng nhiều của thiết bị NMTĐ A Vương và nâng cao năng lực cạnh tranh, đủ các điều kiện thực hiện dịch vụ kỹ thuật cho các công trình điện do Công ty nhận thầu. Và trang bị thiết bị phục vụ sửa chữa thiết bị theo RCM, các hệ thống thiết bị nhà máy theo chương trình chung của Tổng công ty (chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo).

Trên đây là kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2019, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận và quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TKCT.





**Phụ lục 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

TT	Nội dung	Kế hoạch 2019 (KH)	Thực hiện 2019 (TH)	Tỷ lệ % (TH/KH)
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>394,07</b>	<b>312,63</b>	<b>79,33%</b>
1	DT HĐ SXKD điện	369,34	270,21	73,16%
2	DT HĐ tài chính	12,03	9,70	80,65%
3	DT khác	12,70	32,72	257,64%
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>308,06</b>	<b>280,46</b>	<b>91,04%</b>
1	CP HĐ SXKD điện	295,71	241,68	81,73%
2	CP HĐ tài chính	0,00	6,74	
3	CP khác	12,35	32,04	259,39%
<b>III</b>	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>86,01</b>	<b>32,17</b>	<b>37,40%</b>
1	LN HĐ SXKD điện	73,63	28,53	38,74%
2	LN HĐ tài chính	12,03	2,96	24,64%
3	LN khác	0,35	0,68	195,84%
	Thuế	6,74	2,25	33,42%
<b>IV</b>	<b>Tổng LN sau thuế</b>	<b>79,27</b>	<b>29,92</b>	<b>37,74%</b>
<b>IV</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>100,00%</b>

**Phụ lục 2: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Sản lượng điện SX</b>	<b>Tr. kWh</b>	<b>470,000</b>	
<b>II</b>	<b>Sản lượng điện TP</b>	<b>Tr. kWh</b>	<b>465,394</b>	
<b>III</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>325,569</b>	
1	DT HĐ SXKD điện	Tỷ đồng	307,709	
2	DT HĐ tài chính	Tỷ đồng	4,660	
3	DT khác	Tỷ đồng	13,200	
<b>IV</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>265,507</b>	
1	CP HĐ SXKD điện	Tỷ đồng	252,860	
2	CP HĐ tài chính	Tỷ đồng	0,000	
3	CP khác	Tỷ đồng	12,647	
<b>V</b>	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>60,062</b>	
1	LN HĐ SXKD điện	Tỷ đồng	54,849	
2	LN HĐ tài chính	Tỷ đồng	4,660	
3	LN khác	Tỷ đồng	0,553	
<b>VI</b>	<b>Tổng LN sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>56,360</b>	
<b>VII</b>	<b>Cổ tức dự kiến</b>	<b>%</b>	<b>10</b>	



**Phụ lục 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG NĂM 2020**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (tr. đồng)	Thành tiền (tr. đồng)
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>				
1	Máy Photo copy	máy	2	130,0	260,0
2	Thiết lập đường truyền dữ liệu quan trắc về trụ sở Tổng Công ty	HT	1	1.920,6	1.920,6
3	Nâng cấp cầu tang Delta 2000 thành 4000	thiết bị	1	1.200,0	1.200,0
5	Nâng cấp CPC 100 thêm khối TD1 để đo được Tang	thiết bị	1	980,0	980,0
6	Máy chụp sóng máy cắt( chụp sóng được MC 500kV có tiếp điểm graphic)	thiết bị	1	1.600,0	1.600,0
7	Máy thử cao áp AC/DC 20KVA 70kV	thiết bị	1	650,0	650,0
8	Máy đo hàm lượng ẩm dầu cầm tay	thiết bị	1	454,3	454,3
9	Máy đo độ rung cầm tay	thiết bị	1	90,4	90,4
10	Cuộn kháng bù 230kV 1250KVA*2	thiết bị	1	600,0	600,0
<b>II</b>	<b>Khác</b>				
11	Dự án đảm bảo ANTT	HT	1	3.850,0	3.850,0
12	Xe chở CBCNV (khoảng 29-30 chỗ)	xe	1	1.100,0	1.100,0
13	Thiết bị giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	HT	1	560,3	560,3
14	Thực hiện chuyển đổi giao thức kết nối SCADA IEC 60870-5-101 sang IEC 60870-5-104 và hotline VoIP	HT	1	2.047,1	2.047,1
15	Hệ thống chữa cháy bằng nước dọc tuyến đường ống áp lực từ Nhà van đến Nhà máy Thủy điện A Vương và Hệ thống chữa cháy bằng nước Nhà điều hành Đập Trần NMTĐ A Vương	HT	1	230,1	230,1
	<b>Tổng cộng</b>				<b>15.543</b>



Số: 813/BC-HĐQT

Quảng nam, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN A VƯƠNG NĂM 2019  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2020**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

**Phần I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 04 năm 2018, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trong năm 2019 cụ thể như sau:

- |                              |                                       |
|------------------------------|---------------------------------------|
| - Sản lượng điện sản xuất    | : 315,03 triệu kWh, đạt 62,5% KH giao |
| - Sản lượng điện thương phẩm | : 313,03 triệu kWh, đạt 62,6% KH giao |
| - Tổng doanh thu             | : 312,63 tỷ đồng, đạt 79,3% KH giao   |
| - Tổng chi phí               | : 280,46 tỷ đồng, đạt 91,0% KH giao   |
| - Tổng lợi nhuận trước thuế  | : 32,17 tỷ đồng, đạt 37,4% KH giao    |
| - Tổng lợi nhuận sau thuế    | : 29,92 tỷ đồng, đạt 37,4% KH giao    |

**2. Các nhiệm vụ khác:**

Thực hiện đúng và hoàn tất tất cả các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 04 năm 2019 đề ra.

Trong năm 2019, Công ty không đầu tư tài chính hoặc góp vốn vào các Công ty khác. Tình hình tài chính Công ty ổn định và duy trì ở mức an toàn, công tác thanh toán, giải ngân được đảm bảo theo đúng quy định. Công ty đã



làm việc với ngân hàng và các chủ nợ để tái cấu trúc lại các khoản vay, thu xếp các nguồn vốn đảm bảo tối ưu hóa các dòng tiền của Công ty.

Giá giao dịch trên sàn chứng khoán của Công ty luôn ổn định, dao động từ 29.000-30.000 đồng/cổ phiếu.

## **II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

### **1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền:**

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2019, HĐQT đã thực hiện 04 cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành các nghị quyết, quyết định đúng chức trách nhiệm vụ của HĐQT.

### **2. Chi trả cổ tức năm 2018:**

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả hoàn thành cổ tức năm 2018 cho cổ đông.

### **3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát**

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua việc thực hiện tốt đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

## **III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT**

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt



động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng Công ty Phát điện 2 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

#### **1. Mục tiêu**

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh điện 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

+ Sản lượng điện sản xuất	: 470 triệu kWh
+ Sản lượng điện thương phẩm	: 465 triệu kWh
+ Tổng doanh thu	: 325,57 tỷ đồng.
+ Tổng chi phí	: 265,51 tỷ đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế	: 60,06 tỷ đồng.
+ Cổ tức dự kiến	: 10% vốn điều lệ.

#### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

Chỉ đạo tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Công ty, tổ chức nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với Công ty để tiến hành triển khai áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống quản trị.

Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch 5 năm (2016-2020). Đề án CM KHCN 4.0 do Genco2 giao.

Quan tâm công tác cán bộ, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nhân lực kỹ thuật; nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp.

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ năm 2020, cụ thể:

- Tổ chức sắp xếp lại lao động các đơn vị, bộ phận; tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa...đảm bảo các tổ máy phát, hệ thống thiết bị, công trình an toàn, ổn định, sẵn sàng vận hành phát điện; giảm tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng so với kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực lao động, nguồn lực tài chính; Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch tối ưu hóa chi phí; nâng cao năng suất lao động.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, đẩy mạnh quy chế dân chủ cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết trong Công ty, quan tâm đến người lao động, phúc lợi xã hội; xây dựng văn hóa phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

**Kết luận:** Năm 2019, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; đoàn kết, trách nhiệm cùng Ban Tổng Giám đốc, người lao động hoàn thành Nghị quyết Cổ đông giao. HĐQT cam kết tiếp tục nỗ lực cùng tập thể cán bộ Lãnh đạo và toàn thể CBCNV khắc phục khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trâm**





**Công ty Cổ phần Thủy điện  
A Vương**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp**

3303070337

ngày 20 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4000478435 ngày 8 tháng 5 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trâm  
Ông Cao Huy Bảo  
Ông Nguyễn Đình Phúc  
Ông Nguyễn Trọng Oánh  
Ông Đoàn Ngọc Nam

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thiện  
Ông Phan Công Tuyển  
Ông Nguyễn Phước Lễ

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Cao Huy Bảo  
Ông Ngô Xuân Thế  
Ông Nguyễn Đình Phúc

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Thôn Dung, Thị trấn Thạnh Mỹ,  
Huyện Nam Giang,  
Tỉnh Quảng Nam,  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi, Cao Huy Bảo, Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cao Huy Bảo  
Tổng Giám đốc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới: Thuyết minh 3(i) trong báo cáo tài chính đề cập việc Công ty ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp nhận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN"). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản "Xây dựng cơ bản dở dang" đối ứng với tài khoản "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng" ("VAS 18") mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ, và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(i) của báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Chúng tôi thực hiện cuộc kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44. Thông tin bổ sung tại trang 45 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00188-20-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>153.291.567.457</b>	<b>345.914.876.383</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>101.141.438.178</b>	<b>186.800.042.412</b>
Tiền	111		2.150.692.140	1.545.135.521
Các khoản tương đương tiền	112		98.990.746.038	185.254.906.891
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>100.240.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	100.240.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.207.520.583</b>	<b>47.893.026.198</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	28.520.596.166	41.352.285.553
Trả trước cho người bán	132		3.837.897.344	3.695.170.204
Phải thu khác	136		1.201.550.466	3.198.093.834
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(352.523.393)	(352.523.393)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>9.037.091.940</b>	<b>9.790.971.466</b>
Hàng tồn kho	141	8	9.037.091.940	9.790.971.466
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.905.516.756</b>	<b>1.190.836.307</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.905.516.756	287.254.874
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	-	903.581.433
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.254.387.671.463</b>	<b>1.343.507.874.441</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.170.962.413.406</b>	<b>1.242.240.245.072</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.088.939.480.923	1.160.287.470.260
Nguyên giá	222		3.279.332.153.765	3.294.850.959.196
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.190.392.672.842)	(2.134.563.488.936)
Tài sản cố định vô hình	227	10	82.022.932.483	81.952.774.812
Nguyên giá	228		82.661.382.235	82.503.102.235
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(638.449.752)	(550.327.423)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.489.072.317</b>	<b>16.965.430.814</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	7.489.072.317	16.965.430.814
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>66.164.503.765</b>	<b>72.901.519.149</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.800.000.000	79.800.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.635.496.235)	(6.898.480.851)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.771.681.975</b>	<b>11.400.679.406</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	9.771.681.975	11.400.679.406
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.407.679.238.920</b>	<b>1.689.422.750.824</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*




**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>181.882.585.928</b>	<b>371.182.884.232</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>181.882.585.928</b>	<b>313.607.520.112</b>
Phải trả người bán	311	14	5.977.059.413	17.936.322.534
Người mua trả tiền trước	312		1.937.825.812	2.148.916.310
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	7.332.991.760	3.145.523.675
Phải trả người lao động	314		11.505.636.326	15.503.067.659
Chi phí phải trả	315	16	7.236.018.970	16.594.790.043
Phải trả khác	319	17	6.656.384.048	49.040.472.574
Vay ngắn hạn	320	18	132.969.864.120	200.500.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		286.032.303	81.562.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	7.980.773.176	8.656.864.517
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>57.575.364.120</b>
Vay dài hạn	338	18	-	57.469.864.120
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	105.500.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.225.796.652.992</b>	<b>1.318.239.866.592</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.225.796.652.992</b>	<b>1.318.239.866.592</b>
Vốn cổ phần	411	21	750.520.520.000	750.520.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.520.520.000	750.520.520.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.970.201.097	28.811.921.097
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	41.787.735.863	29.882.450.295
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		404.518.196.032	509.024.975.200
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		374.599.311.249	347.015.177.280
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.918.884.783	162.009.797.920
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.407.679.238.920</b>	<b>1.689.422.750.824</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
 Võ Thị Lan Anh  
 Kế toán viên

Người duyệt:

  
 Nguyễn Đình Phúc  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>302.409.131.880</b>	<b>654.746.573.093</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>225.230.192.513</b>	<b>427.105.854.275</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>77.178.939.367</b>	<b>227.640.718.818</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.700.905.784	16.774.364.365
Chi phí tài chính	22	28	26.136.442.705	38.510.786.482
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.388.802.071	38.123.495.577
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	28.228.337.124	33.119.153.764
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>32.515.065.322</b>	<b>172.785.142.937</b>
Thu nhập khác	31		515.854.340	467.580.585
Chi phí khác	32		858.663.506	1
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(342.809.166)</b>	<b>467.580.584</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>32.172.256.156</b>	<b>173.252.723.521</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>2.253.371.373</b>	<b>11.242.925.601</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>29.918.884.783</b>	<b>162.009.797.920</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	399	2.159

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:

  
Võ Thị Lan Anh  
Kế toán viên

Người duyệt:

  
Nguyễn Đình Phúc  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>32.172.256.156</b>	<b>173.252.723.521</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	82.055.910.272	263.238.155.837
Các khoản dự phòng	03	6.835.984.887	(22.815.964)
Lãi tiền gửi	05	(9.688.386.784)	(16.774.364.365)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(132.222.999)	-
Chi phí lãi vay	06	19.388.802.071	38.123.495.577
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	07	854.629.091	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>131.486.972.694</b>	<b>457.817.194.606</b>
Biến động các khoản phải thu	09	14.167.925.153	44.866.757.940
Biến động hàng tồn kho	10	2.382.876.957	(3.057.568.758)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(87.973.587.819)	(394.758.757.905)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.618.261.882)	39.391.917
		<b>55.445.925.103</b>	<b>104.907.017.800</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.502.408.562)	(20.889.401.912)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.165.391.773)	(19.637.357.176)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	63.120.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.301.128.512)	(9.222.833.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>31.540.116.256</b>	<b>55.157.425.337</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.000.181.818)	(648.906.908)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	132.222.999	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(100.240.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	95.240.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.109.548.679	15.821.956.492
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>95.481.589.860</b>	<b>(85.066.950.416)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	30.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(130.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(112.680.310.350)	(82.542.737.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(212.680.310.350)</b>	<b>(82.542.737.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(85.658.604.234)</b>	<b>(112.452.262.479)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>186.800.042.412</b>	<b>299.252.304.891</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>101.141.438.178</b>	<b>186.800.042.412</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Võ Thị Lan Anh  
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc  
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 8 tháng 1 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là AVC.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 156 nhân viên (1/1/2019: 159 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ Kế toán EVN so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(i).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	9 - 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
▪ tài sản khác	4 - 10 năm



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hóa đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đối ứng với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ, và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên Bảng Cân đối Kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ cùng giảm một khoản là 7.156.168.317 VND (1/1/2019: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 15.777.897.723 VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).

Chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.



## **Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và kinh doanh các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực điện (“kinh doanh dịch vụ”). Hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó, thông tin doanh thu và chi phí bộ phận kinh doanh dịch vụ chỉ bao gồm thông tin doanh thu dịch vụ và chi phí dịch vụ được trình bày tại các Thuyết minh 25 và 26. Các thông tin doanh thu và chi phí còn lại được trình bày từ Thuyết minh 25 đến Thuyết minh 29 và thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	24.986.997	54.294.841
Tiền gửi ngân hàng	2.125.705.143	1.490.840.680
Các khoản tương đương tiền	98.990.746.038	185.254.906.891
	<u>101.141.438.178</u>	<u>186.800.042.412</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,5% đến 6,0% một năm (2018: 4,5% đến 6,5% một năm).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 20 tỷ VND (1/1/2019: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất từ 6,0% đến 6,1% một năm (2018: 6,0% đến 6,5% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị ghi sổ là 5 tỷ VND (1/1/2019: 10 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

**7. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.165.163.163	29.370.653.008
Các khách hàng khác	15.355.433.003	11.981.632.545
	<u>28.520.596.166</u>	<u>41.352.285.553</u>

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.165.163.163	29.370.653.008
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	723.446.000	723.446.000
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung-TCT TTD QG	453.376.189	1.295.367.639
Công ty Thủy điện Sông Bung	191.615.247	8.708.530
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	160.160.000	-
Công ty Truyền tải điện 2	-	8.100.000

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	6.064.370.268	4.677.360.070
Công cụ, dụng cụ	5.920.200	-
Dịch vụ dở dang	2.966.801.472	5.113.611.396
	<b>9.037.091.940</b>	<b>9.790.971.466</b>



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	1.975.598.150.417	1.281.225.985.182	34.848.102.250	2.741.265.503	437.455.844	3.294.850.959.196
Tăng trong năm	-	10.807.180.000	-	34.721.818	-	10.841.901.818
Thanh lý trong năm	-	-	(828.303.500)	(43.091.685)	-	(871.395.185)
Xóa sổ trong năm	(25.346.412.064)	-	-	(142.900.000)	-	(25.489.312.064)
Số dư cuối năm	1.950.251.738.353	1.292.033.165.182	34.019.798.750	2.589.995.636	437.455.844	3.279.332.153.765
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	826.057.888.268	1.274.423.585.220	30.967.840.555	2.676.719.049	437.455.844	2.134.563.488.936
Khấu hao trong năm	77.755.728.350	2.455.748.974	1.961.763.609	16.650.222	-	82.189.891.155
Thanh lý trong năm	-	-	(828.303.500)	(43.091.685)	-	(871.395.185)
Xóa sổ trong năm	(25.346.412.064)	-	-	(142.900.000)	-	(25.489.312.064)
Số dư cuối năm	878.467.204.554	1.276.879.334.194	32.101.300.664	2.507.377.586	437.455.844	2.190.392.672.842
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.149.540.262.149	6.802.399.962	3.880.261.695	64.546.454	-	1.160.287.470.260
Số dư cuối năm	1.071.784.533.799	15.153.830.988	1.918.498.086	82.618.050	-	1.088.939.480.923

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 1.321 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 1.327 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Dự án A Vương đã được dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Công ty có nguyên giá là 57 tỷ VND (1/1/2019: 57 tỷ VND (Thuyết minh 17)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	82.503.102.235	-	82.503.102.235
Tăng trong năm	-	158.280.000	158.280.000
Số dư cuối năm	82.503.102.235	158.280.000	82.661.382.235
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	550.327.423	-	550.327.423
Khấu hao trong năm	24.935.664	63.186.665	88.122.329
Số dư cuối năm	575.263.087	63.186.665	638.449.752
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	81.952.774.812	-	81.952.774.812
Số dư cuối năm	81.927.839.148	95.093.335	82.022.932.483



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	16.965.430.814	5.237.025.530
Tăng trong năm	19.988.477.591	11.728.405.284
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	(28.610.206.997)	-
Xóa sổ trong năm	(854.629.091)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.489.072.317</b>	<b>16.965.430.814</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
Sửa chữa lớn nhà máy Thủy điện A Vương (*)	7.156.168.317	15.777.897.723
Nhà máy vận hành quản lý A Vương	332.904.000	332.904.000
Dự án Công trình Thủy điện Đắk Pring 2	-	454.545.455
Thủy điện tích năng A Vương	-	400.083.636
<b></b>	<b>7.489.072.317</b>	<b>16.965.430.814</b>

- (\*) Chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(i)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019		1/1/2019	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Nguyên giá VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Nguyên giá VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (*)	12,91%	79.800.000.000	12,91%	79.800.000.000
		(13.635.496.235)		(6.898.480.851)

(\*) Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 24 tháng 1 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	6.898.480.851	6.511.189.946
Trích lập dự phòng trong năm	6.737.015.384	387.290.905
Số dư cuối năm	13.635.496.235	6.898.480.851



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	9.771.681.975	11.400.679.406

**14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Quảng Nam	2.627.703.996	5.134.418.304
Công ty TNHH Một Thành viên Tín An Phát	584.639.893	6.044.460.827
Các nhà cung cấp khác	2.764.715.524	6.757.443.403
	5.977.059.413	17.936.322.534

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	59.437.011	388.473.900
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	-	276.741.918
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên – công ty mẹ	-	38.937.168

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu Nhà nước VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	31.273.047.726	(26.975.292.693)	(145.931.929)	4.151.823.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.253.371.373	(1.165.391.773)	(757.649.504)	330.330.096
Thuế thu nhập cá nhân	327.231.290	1.883.129.628	(2.203.028.078)	-	7.332.840
Thuế tài nguyên	1.986.886.605	29.147.934.119	(31.134.820.724)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	831.405.780	11.269.081.548	(9.256.981.608)	-	2.843.505.720
Thuế khác	-	10.899.304.008	(10.899.304.008)	-	-
	3.145.523.675	86.725.868.402	(81.634.818.884)	(903.581.433)	7.332.991.760

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thu/cần trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải trả Nhà nước VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	145.931.929	-	-	(145.931.929)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	757.649.504	-	-	(757.649.504)	-
	903.581.433	-	-	(903.581.433)	-



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn (*)	7.156.168.317	15.777.897.723
Chi phí lãi vay	-	737.041.667
Khác	79.850.653	79.850.653
	<b>7.236.018.970</b>	<b>16.594.790.043</b>

(\*) Chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(i)).

**17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.550.032.399	46.670.716.601
Kinh phí công đoàn	27.890.952	27.978.169
Cổ tức phải trả	8.672.455	110.904.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	849.722.222
Các khoản phải trả khác	1.069.788.242	1.381.150.777
	<b>6.656.384.048</b>	<b>49.040.472.574</b>

**(b) Phải trả cho bên liên quan**

	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) – công ty mẹ cấp cao nhất	5.550.032.399	47.706.206.421

Khoản phải trả phi thương mại cho bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	257.969.864.120	645.851.011.919
Vay trong năm	30.000.000.000	-
Trả trong năm	(130.000.000.000)	-
Cần trừ nợ phải thu trong năm (Thuyết minh 35)	(25.000.000.000)	(387.881.147.799)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>132.969.864.120</b>	<b>257.969.864.120</b>
Trong đó:		
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	132.969.864.120	200.500.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	57.469.864.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Khoản vay từ các bên liên quan</b>				
▪ Tập đoàn điện lực Việt Nam				
- Khoản vay 1	VND	2019	-	25.000.000.000
- Khoản vay 2 (i)	VND	2020	57.469.864.120	57.469.864.120
▪ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (ii)	VND	2020	75.500.000.000	175.500.000.000
			<b>132.969.864.120</b>	<b>257.969.864.120</b>

- (i) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hình thành từ khoản vay (Thuyết minh 9), chịu lãi suất năm là lãi suất bình quân liên ngân hàng cộng tối đa 3,3% và phải hoàn trả sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND, chịu lãi suất năm là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng quốc doanh cộng 0,5% và phải hoàn trả sau 24 tháng kể từ ngày giải ngân, là ngày 9 tháng 12 năm 2020.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Số dư đầu năm	8.656.864.517	7.384.902.979
Trích lập trong năm	9.784.020.383	10.716.898.125
Tiền khen thưởng từ các bên thứ ba	63.120.000	-
Khấu hao tài sản cố định trong năm	(222.103.212)	(222.103.212)
Sử dụng trong năm	(10.301.128.512)	(9.222.833.375)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.980.773.176	8.656.864.517

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	750.520.520.000	28.811.921.097	20.991.770.327	449.180.012.573	1.249.504.223.997
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	162.009.797.920	162.009.797.920
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(82.557.257.200)	(82.557.257.200)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(10.716.898.125)	(10.716.898.125)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 23)	-	-	8.890.679.968	(8.890.679.968)	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	750.520.520.000	28.811.921.097	29.882.450.295	509.024.975.200	1.318.239.866.592
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.918.884.783	29.918.884.783
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(112.578.078.000)	(112.578.078.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.784.020.383)	(9.784.020.383)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 23)	-	-	12.063.565.568	(12.063.565.568)	-
Điều chuyển nguồn vốn	-	158.280.000	(158.280.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	750.520.520.000	28.970.201.097	41.787.735.863	404.518.196.032	1.225.796.652.992



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	75.052.052	750.520.520.000	75.052.052	750.520.520.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**22. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 113 tỷ VND, tương ứng 1.500 VND/cổ phiếu của Công ty (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 83 tỷ VND, tương ứng 1.100 VND/cổ phiếu).

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong năm của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	29.882.450.295	20.991.770.327
Tăng trong năm	11.905.285.568	8.890.679.968
Số dư cuối năm	41.787.735.863	29.882.450.295

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.185.408.000	1.128.960.000

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu bao gồm:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Bán điện	270.209.349.494	638.747.943.201
Cung cấp dịch vụ	32.199.782.386	15.998.629.892
	<b>302.409.131.880</b>	<b>654.746.573.093</b>

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Bán điện	194.055.936.487	412.130.175.422
Cung cấp dịch vụ	31.174.256.026	14.975.678.853
	<b>225.230.192.513</b>	<b>427.105.854.275</b>



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Lãi tiền gửi	9.688.386.784	16.774.364.365
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.519.000	-
	<b>9.700.905.784</b>	<b>16.774.364.365</b>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí lãi vay	19.388.802.071	38.123.495.577
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.737.015.384	387.290.905
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.625.250	-
	<b>26.136.442.705</b>	<b>38.510.786.482</b>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí nhân viên	15.921.156.035	20.282.463.500
Chi phí khấu hao và phân bổ	141.738.000	371.396.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.626.945.206	3.709.768.528
Chi phí khác	7.538.497.883	8.755.524.904
	<b>28.228.337.124</b>	<b>33.119.153.764</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.323.333.084	4.907.923.817
Chi phí nhân công và nhân viên	54.740.661.051	57.407.969.969
Chi phí khấu hao và phân bổ	82.055.910.272	263.238.155.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.387.983.286	10.823.190.428
Chi phí khác	99.803.832.020	125.733.022.695

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	2.253.371.373	11.242.925.601

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.172.256.156	173.252.723.521
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.217.225.616	17.325.272.352
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	395.990.327	-
Ưu đãi thuế	(1.420.460.496)	(6.828.240.916)
Chi phí không được khấu trừ thuế	142.476.373	6.860.500
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(81.860.447)	739.033.665
	2.253.371.373	11.242.925.601

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm có doanh thu hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) và 20% cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2021). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2018: 20%).



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	29.918.884.783	162.009.797.920
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	29.918.884.783	162.009.797.920

Công ty chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm trình bày là 75.052.052 cổ phiếu.

**33. Các công cụ tài chính****(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền gửi ngân hàng, bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản tương đương tiền.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	101.116.451.181	186.745.747.571
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	5.000.000.000	100.240.000.000
Phải thu của khách hàng và phải thu khác – thuần	(ii)	29.369.623.239	44.197.855.994
		<b>135.486.074.420</b>	<b>331.183.603.565</b>

**(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019.

Không có biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
Phải trả người bán	5.977.059.413	5.977.059.413	5.977.059.413	-	-
Phải trả người lao động	11.505.636.326	11.505.636.326	11.505.636.326	-	-
Chi phí phải trả	79.850.653	79.850.653	79.850.653	-	-
Phải trả khác	6.656.384.048	6.656.384.048	6.656.384.048	-	-
Vay	132.969.864.120	143.248.378.929	143.248.378.929	-	-
	157.188.794.560	167.467.309.369	167.467.309.369	-	-
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>					
Phải trả người bán	17.936.322.534	17.936.322.534	17.936.322.534	-	-
Phải trả người lao động	15.503.067.659	15.503.067.659	15.503.067.659	-	-
Chi phí phải trả	816.892.320	816.892.320	816.892.320	-	-
Phải trả khác	49.040.472.574	49.040.472.574	49.040.472.574	-	-
Vay	257.969.864.120	284.328.793.259	213.454.083.333	10.723.876.645	60.150.833.281
	341.266.619.207	367.625.548.346	296.750.838.420	10.723.876.645	60.150.833.281

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và các bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

***Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
▪ Các khoản tương đương tiền	98.990.746.038	185.254.906.891
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	100.240.000.000
	<hr/>	<hr/>
	103.990.746.038	285.494.906.891
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
▪ Tiền gửi ngân hàng	2.125.705.143	1.490.840.680
▪ Vay	(132.969.864.120)	(257.969.864.120)
	<hr/>	<hr/>
	(130.844.158.977)	(256.479.023.440)
	<hr/>	<hr/>

***Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi***

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.243 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty (2018: 2.437 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		<b>Giá trị ghi sổ</b>	
		<b>31/12/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>			
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>			
▪ Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(**)	66.164.503.765	72.901.519.149
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>			
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	101.141.438.178	186.800.042.412
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(*)	5.000.000.000	100.240.000.000
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác - thuần	(*)	29.369.623.239	44.197.855.994
		<b>201.675.565.182</b>	<b>404.139.417.555</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>			
▪ Phải trả người bán	(*)	(5.977.059.413)	(17.936.322.534)
▪ Phải trả người lao động	(*)	(11.505.636.326)	(15.503.067.659)
▪ Chi phí phải trả	(*)	(79.850.653)	(816.892.320)
▪ Phải trả khác	(*)	(6.656.384.048)	(49.040.472.574)
▪ Vay	(**)	(132.969.864.120)	(257.969.864.120)
		<b>(157.188.794.560)</b>	<b>(341.266.619.207)</b>

**(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng vì tính chất đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i></b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	3.239.426.951	2.435.417.607
Trả nợ gốc vay trong năm	25.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	6.886.393.509	25.238.913.800
<b><i>Công ty mẹ</i></b>		
<b>Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên</b>		
Cổ tức	98.445.391.500	72.193.287.100
Trả nợ gốc vay trong năm	100.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	12.450.025.000	12.473.370.000
Thuê văn phòng	2.032.128.000	1.975.683.226
<b><i>Các bên liên quan khác</i></b>		
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Bán điện	270.209.349.494	638.747.943.201
<b>Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi</b>		
Cổ tức	3.868.603.500	2.882.159.452
<b>Ban QLDA các công trình điện Miền Trung</b>		
Bán dịch vụ	382.740.750	1.524.854.841
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bung</b>		
Bán dịch vụ	3.269.306.015	966.337.771
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Trị</b>		
Bán dịch vụ	257.526.522	-
<b>Công ty Thủy điện An Khê – Kanak</b>		
Bán dịch vụ	378.835.152	241.258.428
<b>Công ty Thủy điện Sông Tranh</b>		
Bán dịch vụ	26.818.181	26.808.576
<b>Công ty Thủy điện Bản Vẽ</b>		
Bán dịch vụ	145.600.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung</b>		
Bán dịch vụ	86.250.274	-
Mua dịch vụ	116.911.804	-

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Cổ tức	-	2.183.780.232
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Cổ tức	-	2.037.957.373
<b>Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng</b>		
Bán dịch vụ	331.864.140	-
Cổ tức	-	1.018.386.401
<b>Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội</b>		
Cổ tức	-	655.608.345
<b>Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng</b>		
Cổ tức	-	436.281.771
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	474.166.000	583.637.000
<b>Thành viên khác trong Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	814.022.000	921.938.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	1.304.000.000	1.543.449.500

**35. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cần trừ khoản phải thu của Công ty Mua bán điện và tiền lãi vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.173.143.784	-
Cần trừ khoản phải thu và tiền gốc vay với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Thuyết minh 18)	25.000.000.000	387.881.147.799
Cần trừ khoản phải thu và tiền lãi vay với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12.570.975.594	38.348.856.687
Chi phí trích trước cho sửa chữa lớn	7.156.168.317	15.777.897.723



**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Võ Thị Lan Anh  
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc  
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương**  
**Phụ lục báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh điện theo yếu tố**

	2019 VND	2018 VND
<b>1. Nhiên liệu</b>	<b>1.303.822.059</b>	<b>1.502.564.332</b>
<b>2. Vật liệu</b>	<b>4.323.333.084</b>	<b>3.386.459.485</b>
<b>3. Lương và bảo hiểm xã hội</b>	<b>37.781.422.720</b>	<b>49.602.225.747</b>
Lương CNV	33.785.190.000	45.872.679.000
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.996.232.720	3.729.546.747
<b>4. Khấu hao TSCĐ</b>	<b>80.904.863.358</b>	<b>262.707.675.317</b>
<b>5. Các khoản dịch vụ mua ngoài</b>	<b>10.387.983.286</b>	<b>10.818.414.204</b>
Điện dùng nội bộ	3.635.179.709	2.621.944.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	6.752.803.577	8.196.469.344
<b>6. Chi phí sửa chữa lớn</b>	<b>25.058.883.532</b>	<b>19.920.345.275</b>
Sửa chữa lớn thuê ngoài	17.097.444.306	19.920.345.275
Sửa chữa lớn tự làm	7.961.439.226	-
<b>7. Chi phí bằng tiền khác</b>	<b>62.523.965.572</b>	<b>97.311.644.826</b>
Thuế tài nguyên	29.147.934.119	49.547.005.812
Phí môi trường rừng	11.269.081.548	20.732.772.024
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	9.816.349.000	13.097.430.000
Thuế đất	12.535.306	10.469.437
Ăn ca	1.332.675.500	1.360.859.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	21.280.875	34.189.201
Chi phí bằng tiền khác	10.924.109.224	12.528.919.352
<b>Cộng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7)</b>	<b>222.284.273.611</b>	<b>445.249.329.186</b>
Chi phí lãi vay	19.388.802.071	38.123.495.577
Chênh lệch tỷ giá	10.625.250	-
<b>Tổng</b>	<b>241.683.700.932</b>	<b>483.372.824.763</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Võ Thị Lan Anh  
Kế toán viên

Người duyệt:



Nguyễn Đình Phúc  
Kế toán trưởng



Cao Huy Bảo  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát đã được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương; căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2019, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương đã được kiểm toán bởi Cty TNHH KPMG Việt Nam, được sự cho phép của Hội nghị BKS xin báo cáo ĐHĐCĐ các nội dung sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Nhân sự Ban kiểm soát trong năm 2019 không thay đổi, Ban kiểm soát hoạt động độc lập theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ. Trong năm đã thực hiện hoàn thành kế hoạch kiểm soát được ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua.

**II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**

Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 như sau:

**Nội dung 1: Tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH (theo NQ ĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % so với KH năm
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	504,00	315,00	62,50%
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	499,81	313,03	62,63%
3	Giá điện bình quân	Đồng/Kwh	738,95	672,00	90,94%
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	394.068	312.626	79,33%
	- SXKD điện	Triệu đồng	369.340	270.209	73,16%
	- SXKD khác	Triệu đồng	24.728	42.417	171,53%
5	Tổng chi phí	Triệu đồng	308.057	280.454	91,04%
	- SXKD điện	Triệu đồng	295.705	241.684	81,73%



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH (theo NQ ĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % so với KH năm
	- SXKD khác	Triệu đồng	12.351	38.770	313,90%
6	Lãi/lỗ trước thuế	Triệu đồng	86.012	32.172	37,40%
	- SXKD điện	Triệu đồng	73.635	28.525	38,74%
	- SXKD khác	Triệu đồng	12.377	3.647	29,47%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng		29.919	

#### **Nhận xét chung:**

Sản lượng điện năm 2019 là 315 triệu kWh, đạt 62,5% kế hoạch năm 2019 dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 lợi nhuận trước thuế 32,17 tỷ đồng chỉ đạt 37,4% kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ năm 2019.

Nguyên nhân các chỉ tiêu thực hiện không đạt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 chủ yếu do tình hình Thủy văn đã được Ban điều hành giải trình trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.

#### **Nội dung 2: Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 và năm 2019:**

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận kịp thời đúng theo Nghị quyết năm 2019 bao gồm trích lập các quỹ 21,8 tỷ đồng và chi trả cổ tức năm 2018 là 112,5 tỷ đồng (Tỷ lệ 15% Vốn CSH). Năm 2019 Công ty dự kiến chi trả cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn CSH.

#### **Nội dung 3: Kiểm toán BCTC năm 2019**

Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Ban kiểm soát đã giám sát quá trình kiểm toán BCTC tại Công ty, kết quả kiểm toán đạt yêu cầu theo hợp đồng. Một số kiến nghị của kiểm toán Công ty đã điều chỉnh trong báo cáo tài chính sau kiểm toán trình ĐHĐCĐ.

#### **Nội dung 4: Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019**

Do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 không hoàn thành theo kế hoạch nên việc quyết toán và chi trả tiền lương và thù lao cho người quản lý đạt 83,7% giảm 16,3% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

#### **Nội dung 5: Sửa đổi điều lệ Công ty**

Công ty đã thực hiện các nội dung theo Nghị quyết.

### **III. ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định theo Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản phân cấp.



- Trong năm 2019, Hội Đồng Quản Trị đã họp 5 lần với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên đã ban hành 28 Quyết định và Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng Quản Trị
- Ban Tổng Giám Đốc điều hành báo cáo và cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đề ra, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Ban Tổng Giám Đốc Điều Hành thực thi việc sát lập hệ thống quản lý nội bộ và kiểm tra việc chấp hành các quy định.
- Đối với cán bộ quản lý đã nắm rõ phân hành và trách nhiệm của bộ phận, phòng ban trong quá trình thực hiện chức năng và kết hợp chặt chẽ, hợp tác với các phân hành có liên quan.
- Kiểm soát Công tác đấu thầu: thực hiện kế hoạch năm 2019. Trong năm Công ty đã thực hiện 52 gói thầu tổng giá trị dự toán là: 41,28, tỷ đồng; giá trị trúng thầu 35.3 tỷ đồng giảm so với dự toán: 5.66 tỷ đồng tiết kiệm 14%. Việc tổ chức đấu thầu các gói thầu cơ bản tuân thủ theo trình tự thủ tục theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các Quy chế nội bộ của EVN, GENCO 2 và của đơn vị như: Lập, trình duyệt, thẩm định trước khi phê duyệt các bước trong quá trình đấu thầu như: KHLCNT, HSMT/HSYC, KQLCNT; đăng tải thông tin đầy đủ theo quy định (đăng tải KHLCNT, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên mạng mua sắm công và trên Hệ thống thông tin quản lý đấu thầu của EVN).
- Kiểm soát công tác sửa chữa lớn: BKS đã kiểm tra thực tế công trình và hồ sơ SCL nhận thấy Công ty đã tuân thủ theo kế hoạch được Tổng công ty Phát điện 2 thông qua, việc triển khai thực hiện đã tuân thủ theo Quy chế sửa chữa lớn của Công ty; đặc biệt trong năm Công ty đã Đại tu tổ máy H1 và các thiết bị liên quan sau 10 năm vận hành đã thực hiện tốt đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, sau đại tu tổ máy đã đi vào hoạt động tốt. Trình độ, tay nghề đội ngũ kỹ sư, công nhân đã được nâng cao.
- Giá trị thực hiện sau thuế các Công trình sửa chữa lớn trong năm được quyết toán là 26,63 tỷ đồng, giá trị đã thanh toán là 26,12 tỷ đồng; số tiền chưa thanh toán là 511 triệu đồng.

#### **IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban kiểm soát đã kết hợp với kiểm toán KPMG kiểm tra, thẩm định BCTC với số liệu như sau:

##### **1. Bảng cân đối kế toán 2019**

**ĐVT: Triệu đồng**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>345.915</b>	<b>153.292</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>186.800</b>	<b>101.141</b>
1. Tiền	111	1.545	2.151
2. Các khoản tương đương tiền	112	185.255	98.991
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>100.240</b>	<b>5.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	100.240	5.000



Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>47.893</b>	<b>33.208</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	41.352	28.521
2. Trả trước cho người bán	132	3.695	3.838
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.198	1.202
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-353	-353
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9.791</b>	<b>9.037</b>
1. Hàng tồn kho	141	9.791	9.037
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.191</b>	<b>4.906</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	287	4.906
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>	<b>1.343.508</b>	<b>1.254.388</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>1.242.240</b>	<b>1.170.962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.160.287	1.088.939
– Nguyên giá	222	3.294.851	3.279.332
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-2.134.563	-2.190.393
3. Tài sản cố định vô hình	227	81.953	82.023
– Nguyên giá	228	82.503	82.661
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-550	-638
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16.965</b>	<b>7.489</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16.965	7.489
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>72.902</b>	<b>66.165</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	79.800	79.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-6.898	-13.635
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>11.401</b>	<b>9.772</b>
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11.401	9.772
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>1.689.423</b>	<b>1.407.679</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>371.183</b>	<b>181.883</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>313.608</b>	<b>181.883</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.936	5.977
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.149	1.938
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.146	7.333
4. Phải trả người lao động	314	15.503	11.506
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16.595	7.236
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	49.040	6.656
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	200.500	132.970
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	82	286

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.657	7.981
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>57.575</b>	<b>0</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	57.470	0
<b>B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>1.318.240</b>	<b>1.225.797</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1.318.240</b>	<b>1.225.797</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	750.521	750.521
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	28.812	28.970
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	29.882	41.788
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	509.025	404.518
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	347.015	374.599
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	162.010	29.919
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>1.689.423</b>	<b>1.407.679</b>

## 2. Kết quả SXKD năm 2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	654.747	302.409
4. Giá vốn hàng bán	11	427.106	225.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	227.641	77.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.774	9.701
7. Chi phí tài chính	22	38.511	26.136
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	38.123	19.389
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.119	28.228
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>172.785</b>	<b>32.515</b>
12. Thu nhập khác	31	468	516
13. Chi phí khác	32	0	859
14. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	468	-343
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>173.253</b>	<b>32.172</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.243	2.253
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>162.010</b>	<b>29.919</b>

### Nhận xét chung:

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Ban Kiểm Soát chúng tôi nhận thấy rằng thông tin này hoàn toàn tin cậy và chính xác với tình hình thực tế của công ty.



## **V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

- Hội Đồng Quản Trị - Ban Tổng Giám Đốc Điều Hành – Ban Kiểm Soát đã có mối quan hệ phối hợp trong công việc thực hiện quyền hạn trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Pháp Luật.
- Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty để Ban Kiểm Soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát.
- Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

## **VI. NHẬN XÉT KIẾN NGHỊ**

- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, BCTC đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán;
- Chủ sở hữu Tổng công ty Phát điện 2, Ban lãnh đạo Công ty cần quan tâm hơn nữa công tác tìm kiếm cơ hội mở rộng hoạt động dịch vụ và đầu tư nguồn điện để tăng năng suất lao động và hiệu quả vốn cổ đông trong tình hình Nhà máy Thủy điện A Vương đã hoạt động ổn định, nợ vay dự án đã trả gần xong, chi phí khấu hao và lãi vay giảm mạnh;
- Ban lãnh đạo có kế hoạch làm việc với Công ty CP Phú thạch Mỹ để tìm phương án cải thiện hoạt động SXKD nhằm tăng hiệu quả vốn đầu tư của Công ty; tìm giải pháp phát huy hiệu quả khu đất đường Nguyễn Văn Linh.

## **VII. KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2020**

Từ đầu năm 2020 Ban kiểm soát đã triển khai lập kế hoạch hoạt động năm 2020 đã thực hiện trong quý I và quý II năm 2020, Ban kiểm soát đã chú trọng kiểm soát hiệu quả vốn đầu tư của Cổ đông và việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị trong các hoạt động của Công ty.

(Kế hoạch chi tiết kèm theo Phụ lục)

Trên đây là những nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm Soát của Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN A VƯƠNG**

**Trưởng ban**

**Nguyễn Thiện**

## PHỤ LỤC: CHI TIẾT KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2020

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Soát xét báo cáo tài chính hàng quý của Công ty. Thẩm định: Báo cáo tài chính sáu tháng và năm của Công ty; Báo cáo tình hình kinh doanh; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Lập các báo cáo gửi về Tổng công ty Phát điện 2 theo Quy chế công tác kiểm toán nội bộ, giám sát tài chính và kiểm soát trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam số 44/QĐ-EVN ngày 13/02/2018
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu và phần vốn của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ; công tác quản trị dòng tiền để đạt hiệu quả nhất.
- Tham gia với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc thảo luận nội dung chi tiêu, cụ thể hoá Nghị quyết ĐHĐCĐ để đề ra các Nghị quyết thường kỳ;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện chỉ đạo của GENCO2 đối với người đại diện.
- Giám sát, theo dõi kết quả việc khắc phục theo các Quyết định, kiến nghị của các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các đoàn công tác trong, ngoài ngành tại Công ty.
- Lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và kiến nghị đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

Chương trình công tác cụ thể như sau:

TT	Nội dung kiểm soát	Đơn vị được kiểm soát	Thời gian	Hình thức kiểm soát	Thành phần đoàn kiểm soát	Ghi chú
1	Kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm kê cuối năm.	AVC	Tháng 01/2020	Trực tiếp	Ban kiểm soát và Hội đồng kiểm kê Công ty.	
2	Kiểm tra các hoạt động SXKD, hồ sơ các công trình, chứng từ kế toán quý 4 năm 2019.	AVC	Tháng 1/2020	Gián tiếp	BKS, các Phòng nghiệp vụ liên quan	
3	Kiểm tra công tác Tổ chức và Lao động tiền lương 2019 – thẩm định QT lương 2019	AVC	Tháng 2/2020	Gián tiếp	BKS cty và P. Tổ chức - LĐTL	



TT	Nội dung kiểm soát	Đơn vị được kiểm soát	Thời gian	Hình thức kiểm soát	Thành phần đoàn kiểm soát	Ghi chú
4	Thẩm tra kết quả SXKD, BCTC 2019 và tình hình thực hiện chỉ đạo của chủ sở hữu, thực hiện NQ của HĐQT, đại hội đồng cổ đông năm 2019	AVC	Tháng 3/2020	Trực tiếp	BKS Cty và P.TCKT, P.tổ chức, P.kế hoạch Công ty	Kết hợp đoàn kiểm toán BCTC
5	Kiểm soát thường xuyên các hoạt động công ty, tham gia công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020	AVC	Tháng 4/2020	Gián tiếp	BKS, các Phòng nghiệp vụ liên quan	
6	Kiểm tra các hoạt động SXKD, hồ sơ các công trình, chứng từ kế toán quý I/2020.	AVC	Tháng 5+6/2020	Gián tiếp	BKS Cty và các đơn vị liên quan	
7	Kiểm soát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng 2020 và tình hình thực hiện chỉ đạo của chủ sở hữu, thực hiện triển khai NQ ĐHCĐ 2020;	AVC	Tháng 7+8/2020	Gián tiếp	BKS Cty, P.TCKT và các Phòng Ban Cty liên quan	
8	Kiểm tra các hoạt động SXKD, hồ sơ các công trình, chứng từ kế toán quý II/2020.	AVC	Tháng 9+10/2020	Gián tiếp	BKS Cty và các đơn vị liên quan	
9	Kiểm soát việc chấp hành các quy định về quy chế công bố thông tin; đấu thầu, việc mua sắm VTTB của Công ty; công tác công bố thông tin của Công ty đại chúng.	AVC	11/2020	Gián tiếp	BKS Cty, P.TCKT và Phòng kế hoạch Vật tư; bộ phận phụ trách công bố thông tin	
10	Thẩm định BCTC quý III/2020 và các Công trình SCL; SCTX, công tác kiểm kê quyết toán năm 2020.	AVC	Tháng 12/2020	Gián tiếp	BKS Cty, P.TCKT và các Phòng Ban Cty liên quan	

Số: 09 /TTr-BKS

Quảng Nam, ngày tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương kính trình Đại hội đồng Cổ đông nội dung sau:

Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH KPMG là một trong các Công ty Kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ban kiểm soát Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét quyết nghị.

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- HĐQT
- TKCT
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Thiện**



Số: 814/TTr-HĐQT

Quảng Nam, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**Về việc Thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

Căn cứ tình hình SXKD của Công ty năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH KPMG;

Hội đồng Quản trị Công ty CP Thủy điện A Vương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2019**

TT	Nội dung	Giá trị
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận phân phối (1 + 2)</b>	<b>178.601.011.895</b>
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.918.884.783
2	Lợi nhuận để lại các năm trước	148.682.127.112
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận ( 1 + .....+7)</b>	<b>178.601.011.895</b>
1	Bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	-
2	Trả cổ tức (tỷ lệ cổ tức 10% VDL)	75.052.052.000
3	Quỹ Đầu tư phát triển	-
4	Quỹ khen thưởng	3.334.548.000
5	Quỹ phúc lợi	3.572.730.000
6	Quỹ thưởng NQL, KSV	280.846.500
7	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	96.360.835.395

**2. Phương án chi trả cổ tức 2019**

- Hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TKCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trâm

Số: 815/TTr-TĐAV

Quảng Nam, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Về việc thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và  
Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

HĐQT Công ty CP Thủy điện A Vương kính trình ĐHĐCĐ thông qua tiền lương, thù lao năm 2019 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, BKS với nội dung sau:

**1. Tiền lương, Thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2019**

Tổng tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018: **1.234.299.000** đồng, cụ thể:

- Tiền lương CT.HĐQT chuyên trách: 472.143.000 đồng
- Thù lao TV.HĐQT k chuyên trách (4 người): 288.000.000 đồng.
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 402.156.000 đồng
- Thù lao TV BKS không chuyên trách (2 người): 72.000.000 đồng

**2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2020**

Mức tiền lương các chức danh chuyên trách được xây dựng bằng 97% mức tiền lương kế hoạch năm 2019. Các chức danh không chuyên trách thù lao giữ nguyên như năm 2019.

Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020: **1.340.998.000** đồng, cụ thể:

- Tiền lương CT.HĐQT chuyên trách: 529.410.000 đồng
- Thù lao TV.HĐQT k chuyên trách (4 người): 288.000.000 đồng.
- Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: 451.588.000 đồng
- Thù lao TV BKS k chuyên trách (2 người): 72.000.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TKCT, HCLĐ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trâm



**BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
Thông qua nội dung miễn nhiệm, bầu cử và Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương (AVC);

Căn cứ các Quyết định của Tổng Công ty Phát điện 2 về việc cử người tham gia ứng cử thành viên HĐQT, BKS Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020,

HĐQT Công ty kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

**1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS**

1.1. Ông Nguyễn Trâm (Người đại diện 40% phần vốn của Tổng công ty Phát điện 2 tại AVC) - CT.HĐQT chuyên trách sẽ nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 1/7/2020 và Ông Nguyễn Đình Phúc -UV.HĐQT đã có đơn xin thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT AVC tại ĐHĐCĐ năm 2020, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với 2 trường hợp này.

1.2. Ông Phan Công Tuyển – Thành viên BKS AVC có đơn xin thôi nhiệm vụ thành viên BKS AVC tại ĐHĐCĐ năm 2020, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Phan Công Tuyển.

**2. Nội dung bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023**

Với việc miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT, 01 thành viên BKS nêu trên; để duy trì đủ có số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 là 5 người và số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 là 3 người, tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ tiến hành các thủ tục bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ Công ty như sau:

**2.1. Bầu bổ sung thành viên HĐQT**

- Số lượng: Bầu bổ sung hai (02) thành viên HĐQT
- Nhiệm kỳ: nhiệm kỳ 2018-2023 (thời gian còn lại của nhiệm kỳ)
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo khoản 5 điều 24 Chương 7 Điều lệ Công ty.

- Cơ cấu thành viên: 01 thành viên HĐQT giữ chức vụ CT.HĐQT làm việc chuyên trách; 01 thành viên HĐQT làm UV.HĐQT; đảm bảo ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT phải là thành viên không điều hành theo quy định tại khoản 2 điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017.

## 2.2. Bầu bổ sung thành viên BKS

- Số lượng: Bầu bổ sung một (01) thành viên BKS
- Nhiệm kỳ: nhiệm kỳ 2018-2023 (thời gian còn lại của nhiệm kỳ)
- Tiêu chuẩn và điều kiện: Theo khoản 3 điều 35 Chương 10 Điều lệ Công ty và không làm việc trong bộ phận kế toán của Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017.
- Cơ cấu thành viên: làm thành viên Ban kiểm soát (kiểm soát viên)

## 3. Danh sách các ứng viên bầu bổ sung làm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 -2023

*(Cập nhật đến thời điểm họp HĐQT quý II -2020; HĐQT và BTC Đại hội sẽ tiếp tục cập nhật danh sách đề cử, ứng cử để báo cáo trình tại ĐHĐCĐ theo quy định)*

### 3.1. Danh sách ứng cử viên bầu vào HĐQT

(1) Ông **Lưu Ngọc Mai Phi** – Trưởng Ban Kế hoạch Tổng Công ty Phát điện 2; Người đại diện 30% phần vốn của Tổng công ty Phát điện 2 tại AVC ứng viên bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 với tư cách là thành viên HĐQT không chuyên trách. (Theo quyền đề cử ứng viên vào HĐQT của cổ đông EVNGENCO 2 tại quyết định số 69/EVNGENCO2-HĐTV ngày 29/4/2020)

*Danh sách sẽ tiếp tục cập nhật theo quyền đề cử, ứng cử của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ.*

.....

### 3.2. Danh sách ứng cử viên bầu vào BKS

(1) Ông **Đoàn Trung Thông** – Chuyên viên Ban QLĐTXD Tổng công ty Phát điện 2 tại ứng viên bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 với tư cách là kiểm soát viên không chuyên trách (Theo quyền đề cử ứng viên vào BKS của cổ đông EVNGENCO 2 tại quyết định số 79/EVNGENCO2-HĐTV ngày 14/5/2020)

*Danh sách sẽ tiếp tục cập nhật theo quyền đề cử, ứng cử của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ.*

.....

Có lý lịch các ứng viên kèm theo

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung và danh sách ứng viên, đồng thời nghiên cứu quy chế bầu cử, quy chế biểu quyết (đã được thông qua), thông tin lý lịch ứng cử viên để tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TKCT, HCLĐ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trâm**



TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN A VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 817/TTr-HĐQT

Quảng Nam, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**Về việc ủy quyền để tổ chức thực hiện hoạt động SXKD của Công ty trước khi**  
**ĐHĐCĐ thông qua chỉ tiêu kế hoạch của năm**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty cổ phần thủy điện A Vương;

Tham chiếu Văn bản số 1793/EVNGENCO 2-PC ngày 26/5/2020 về việc bổ sung nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Phát điện 2;

Nhằm đảm bảo tính pháp lý đầy đủ nhất và để Ban điều hành Công ty có thể triển khai các công việc cần thiết đảm bảo cho hoạt động SXKD được hiệu quả, kịp thời, đúng các quy định của từng lĩnh vực liên quan, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ về việc ủy quyền để tổ chức thực hiện hoạt động SXKD lúc bắt đầu năm tài chính trước khi ĐHĐCĐ thông qua chỉ tiêu kế hoạch của năm như sau:

“ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2020 hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2021 được tổ chức và phải báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất, trừ các trường hợp bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp”

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết nghị.

Trân trọng./.

*Ghi chú: Nội dung này sẽ được trình hằng năm tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TKCT, HCLĐ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trâm